

Số: /KH-UBND

Vĩnh Linh, ngày tháng năm 2023

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Chương trình Phát triển thanh niên trên địa bàn huyện Vĩnh Linh giai đoạn I (2022-2025)**

Thực hiện Quyết định số 3404/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2030; Kế hoạch số 238/KH-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình Phát triển thanh niên tỉnh Quảng Trị giai đoạn I (2022-2025), UBND huyện Vĩnh Linh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển thanh niên trên địa bàn huyện Vĩnh Linh giai đoạn I (2022-2025) với các nội dung như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

- Tăng cường và bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo và tổ chức thực hiện của chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể Nhân dân trong việc thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Quảng Trị trên địa bàn huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2022-2030.

- Cụ thể hoá các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình gắn với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong giai đoạn 2022-2025; xác định rõ lộ trình, tiến độ thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình đảm bảo kịp thời, phù hợp với điều kiện phát triển Kinh tế - xã hội và thực tiễn phát triển thanh niên của địa phương.

- Xác định cụ thể trách nhiệm, nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các cấp, các cơ quan, đoàn thể và nhân dân địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch, đảm bảo thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

##### **2. Yêu cầu**

- Việc tổ chức, triển khai Kế hoạch phải đảm bảo đúng nội dung và thời gian theo quy định, được triển khai sâu rộng, nghiêm túc, có hiệu quả đến tất cả các cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn huyện.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được UBND huyện phân công, bố trí và sử dụng nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm kịp thời, chất lượng, hiệu quả và thiết thực.

- Bảo đảm công tác phối hợp được thực hiện hiệu quả, chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị với các xã, thị trấn; giữa các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

## **II. NỘI DUNG**

### **1. Công tác tuyên truyền, phổ biến**

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng Luật Thanh niên năm 2020, Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết số 103/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về Phát triển thanh niên tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2030 và Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 3404/QĐ-UBND ngày 28/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị và các văn bản liên quan đến thanh niên đến các cơ quan, đơn vị, các xã, thị trấn thông qua hội nghị tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về thanh niên năm 2023; thông qua hệ thống Truyền thanh cấp huyện, cấp xã; đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị và tại buổi sinh hoạt của các tổ chức Đoàn ở cơ sở, các trang mạng xã hội của các tổ chức Đoàn.

### **2. Xây dựng và ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình phát triển thanh niên giai đoạn I**

- Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển thanh niên giai đoạn I (2022-2025) và Kế hoạch hằng năm với các chỉ tiêu, giải pháp và lộ trình thực hiện cụ thể.

- Kế hoạch ban hành cần bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Chương trình phát triển thanh niên tỉnh giai đoạn 2022-2030 và Kế hoạch thực hiện giai đoạn I (2022-2025) đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

### **3. Tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình phát triển thanh niên giai đoạn I**

- Triển khai thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thanh niên theo Chương trình, Kế hoạch phát triển thanh niên của tỉnh và hướng dẫn của các Sở, ban, ngành liên quan phù hợp với điều kiện thực tế, của địa phương; lồng ghép các chỉ tiêu phát triển thanh niên khi xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn và hằng năm.

- Tích cực phối hợp với các Sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong triển khai thực hiện các Chương trình, Đề án phát triển thanh niên.

- Đề nghị Đoàn TNCS HCM huyện phát huy vai trò tập hợp lực lượng thanh niên, kịp thời, chủ động triển khai các Chương trình, Đề án phát triển thanh niên của tỉnh quy định tại Nghị quyết số 103/NQ-HĐND của HĐND tỉnh khi có văn bản của cơ quan tham mưu cấp trên ban hành.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước mà các cơ quan, đơn vị xây dựng các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình phát triển thanh niên triển khai giai đoạn I (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

### **4. Theo dõi, kiểm tra, báo cáo đánh giá việc thực hiện**

- Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Đoàn TNCS HCM huyện và các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch theo chuyên đề, đột xuất hoặc lồng ghép kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ công tác khác để kịp thời nắm bắt, đánh giá hiệu quả, từ đó điều chỉnh, bổ sung hoặc đề

xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp phát triển thanh niên phù hợp với thực tiễn.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phát triển thanh niên, lồng ghép trong báo cáo quản lý nhà nước về thanh niên hàng năm theo quy định. Đồng thời thực hiện thống kê các chỉ tiêu về thanh niên theo ngành, lĩnh vực, làm cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện và hoạch định các chính sách cho thanh niên.

### **5. Công tác sơ kết và khen thưởng thành tích**

Phòng Nội vụ hướng dẫn các cơ quan, đơn vị và các xã, thị trấn phát động phong trào thi đua khi có hướng dẫn của Sở Nội vụ. Thực hiện công tác sơ kết và đề nghị khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong thực hiện Chương trình.

## **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí để tổ chức thực hiện các Chương trình, Đề án, Dự án và các chính sách do cấp tỉnh và Trung ương ban hành phù hợp với tình hình thực tế và trong khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Kinh phí thực hiện được bố trí từ ngân sách nhà nước trong dự toán chi thường xuyên hàng năm và lồng ghép trong các chương trình, dự án.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai thực hiện công tác phát triển thanh niên, khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn Quỹ quốc gia về việc làm, vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội và vận động các nguồn vốn xã hội hóa để hỗ trợ thanh niên vay vốn làm kinh tế.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phòng Nội vụ**

Chủ động tham mưu UBND huyện ban hành Kế hoạch thực hiện năm và các văn bản triển khai thực hiện Chương trình phát triển thanh niên trên địa bàn huyện; theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị; báo cáo Sở Nội vụ, UBND tỉnh và các cấp thẩm quyền theo quy định. Đồng thời, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét.

### **2. Phòng Tài Chính - Kế hoạch**

Tham mưu UBND huyện bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch

### **3. Các phòng ban, đơn vị và UBND các xã, thị trấn**

- Các phòng ban, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn căn cứ Kế hoạch này, chủ động xây dựng kế hoạch giai đoạn, Kế hoạch hằng năm và tổ chức thực hiện đảm bảo kịp thời, chất lượng, hiệu quả.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu. Định kỳ báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện Chương trình lồng ghép trong báo cáo quản lý nhà nước về thanh niên hàng năm theo quy định và chủ động nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của cơ sở và đề xuất, kiến nghị lên UBND huyện (*qua phòng Nội vụ*) để UBND huyện báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét.

#### **4. Đề nghị Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện**

Đề nghị Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức quán triệt, tuyên truyền, xây dựng Kế hoạch thực hiện các nội dung có liên quan của chương phát triển thanh niên giai đoạn I (2022-2025) trên địa bàn huyện đảm bảo sự tham gia của của các cơ quan tổ chức và đảm bảo kịp thời, chất lượng, hiệu quả.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn phản ánh bằng văn bản gửi về UBND huyện (*qua phòng Nội vụ*) để xem xét, giải quyết theo quy định.

Trên đây là kế hoạch thực hiện Chương trình Phát triển thanh niên trên địa bàn huyện Vĩnh Linh giai đoạn I (2022-2025), UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị chủ động triển khai thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh;, Sở Nội vụ; (B/c)
- TT. HU, HĐND, UBNDTTQVN huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các tổ chức Chính trị - Xã hội huyện;
- Đoàn TNCS HCM huyện;
- Các phòng ban, đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Thái Văn Thành**

**PHỤ LỤC I****Văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện Chương trình  
Phát triển thanh niên Giai đoạn I (2022-2025)**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày ... tháng 02 năm 2023 của UBND huyện)

| <b>TT</b>                    | <b>Tên văn bản</b>   | <b>Cơ quan chủ trì soạn thảo</b> | <b>Cơ quan phối hợp</b>   | <b>Thẩm quyền ban hành</b> | <b>Thời gian trình ban hành hoặc ban hành</b>         |
|------------------------------|--|----------------------------------|---|----------------------------|---|
| <b>I. Cấp huyện</b>          |  |                                  |   |                            |   |
| 1                            | Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Vĩnh Linh   | Phòng Nội vụ                     | Các phòng ban, đơn vị, Đoàn TNCS HCM huyện và UBND các xã, thị trấn | UBND huyện                 | Quý I/2023  |
| 2                            | Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Phát triển thanh niên tỉnh hằng năm trên địa bàn huyện Vĩnh Linh  | Phòng Nội vụ                     | Các phòng ban, đơn vị, Đoàn TNCS HCM huyện và UBND các xã, thị trấn | UBND huyện                 | Quý I hằng năm  |
| 4                            | Văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển thanh niên tỉnh giai đoạn 2022-2025   | Phòng Nội vụ                     | Các phòng ban, đơn vị, Đoàn TNCS HCM huyện và UBND các xã, thị trấn | UBND huyện                 | Sau khi có văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Nội vụ |
| 5                            | Các văn bản hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra,... trong quá trình thực hiện Kế hoạch phát triển thanh niên tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2025                                     | Phòng Nội vụ                     | Các phòng ban, đơn vị, Đoàn TNCS HCM huyện và UBND các xã, thị trấn | UBND huyện                 | Thường xuyên  |
| 6                            | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh hằng năm trên địa bàn huyện ( <i>lồng ghép trong báo cáo kết quả thực hiện QLNN về thanh niên hằng năm</i> ) | Phòng Nội vụ                     | Các phòng ban, đơn vị, Đoàn TNCS HCM huyện và UBND các xã, thị trấn | UBND huyện                 | Hằng năm  |
| <b>III. Các xã, thị trấn</b> |  |                                  |   |                            |   |
| 1                            | Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn   | UBND các xã, thị trấn            | Các đơn vị liên quan  | UBND các xã, thị trấn      | Quý I   |
| 2                            | Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Phát triển thanh  | UBND các xã, thị trấn            | Các đơn vị liên quan  | UBND các xã, thị trấn      | Quý I hằng năm  |

| <b>TT</b> | <b>Tên văn bản</b>   | <b>Cơ quan chủ trì soạn thảo</b> | <b>Cơ quan phối hợp</b> | <b>Thẩm quyền ban hành</b> | <b>Thời gian trình ban hành hoặc ban hành</b> |
|-----------|--|----------------------------------|-------------------------|----------------------------|---|
|           | niên tỉnh hằng năm trên địa bàn  |                                  |                         |                            |   |
| 3         | Văn bản hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch phát triển thanh niên tỉnh giai đoạn 2022-2025   | UBND các xã, thị trấn            | Các đơn vị liên quan    | UBND các xã, thị trấn      | Sau khi có văn bản hướng dẫn của UBND huyện   |
| 4         | Các văn bản hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra,... trong quá trình thực hiện Kế hoạch phát triển thanh niên tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2025                               | UBND các xã, thị trấn            | Các đơn vị liên quan    | UBND các xã, thị trấn      | Sau khi có văn bản hướng dẫn của UBND huyện   |
| 5         | Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh hằng năm trên địa bàn ( <i>lồng ghép trong báo cáo kết quả thực hiện QLNN về thanh niên hàng năm</i> ) | UBND các xã, thị trấn            | Các đơn vị liên quan    | UBND các xã, thị trấn      | Hàng năm                                      |

**PHỤ LỤC II**  
**Các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình Phát triển thanh niên**  
**thực hiện trong năm 2023**

(Kèm theo Kế hoạch số: ...../KH-UBND ngày ... tháng 02 năm 2023 của UBND huyện)

| TT        | Mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện  | Cơ quan chủ trì   | Cơ quan phối hợp                          | Tiến độ kết quả thực hiện trong giai đoạn I | Ghi chú   |
|-----------|---|---|---|---|---|
| <b>I</b>  | <b>Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, cung cấp thông tin về tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho thanh niên</b>  |   |   |   |   |
| 1         | Hàng năm, 100% thanh niên trong lực lượng vũ trang, thanh niên là cán bộ, công chức, viên chức, trên 90% thanh niên là công nhân, 80% thanh niên nông thôn, thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tuyên truyền, phổ biến, học tập nghị quyết của các cấp ủy Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. | Các phòng ban, đơn vị<br>Ban Chỉ huy Quân sự huyện;<br>Đoàn TNCS HCM huyện;<br>UBND các xã, thị trấn                  | Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan | Đạt 100% chỉ tiêu                           | Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao |
| 2         | Hàng năm, 100% thanh niên là học sinh và sinh viên, 80% thanh niên công nhân, thanh niên nông thôn, thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được trang bị kiến thức về quốc phòng và an ninh.   | Ban Chỉ huy Quân sự huyện;<br>Đoàn TNCS HCM huyện;<br>UBND các xã, thị trấn   | Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan | Đạt 100% chỉ tiêu                           | Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao |
| 3         | Đến năm 2030, trên 75% thanh niên (đối với thanh niên thành thị là 90%) được tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật thông qua các ứng dụng pháp luật trực tuyến, mạng xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng.   | Phòng Tư pháp;<br>Đoàn TNCS HCM huyện;<br>UBND các xã, thị trấn   | Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan | Đạt 80% chỉ tiêu                            | Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao |
| <b>II</b> | <b>Giáo dục, nâng cao kiến thức, kỹ năng, tạo điều kiện để thanh niên bình đẳng về cơ hội học tập, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo</b>   |   |   |   |   |
| 1         | Hàng năm, 100% thanh niên là học sinh, sinh viên được giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, kiến thức pháp luật, kỹ năng sống và kỹ năng mềm.  | Phòng Giáo dục và Đào tạo;<br>Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội<br>Đoàn TNCS HCM huyện;<br>UBND các xã, thị trấn | Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan | Đạt 100% chỉ tiêu                           | Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao |

| TT         | Mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện  | Cơ quan chủ trì  | Cơ quan phối hợp                                   | Tiến độ kết quả thực hiện trong giai đoạn I | Ghi chú   |
|------------|---|--|--|---|---|
| 2          | Hàng năm, có ít nhất 20% thanh niên, phần đầu đến năm 2030 có 100% thanh niên làm báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số là người dân tộc thiểu số và 100% thanh niên tham gia công tác phổ biến giáo dục pháp luật cho thanh thiếu niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ phổ biến giáo dục pháp luật. | Phòng Tư pháp<br>Đoàn TNCS<br>HCM huyện;<br>UBND các xã,<br>thị trấn               | Các cơ quan,<br>tổ chức, đơn<br>vị có liên<br>quan | Đạt 100%<br>chỉ tiêu                        | Cơ quan chủ<br>trì, phối hợp<br>thực hiện theo<br>chức năng,<br>nhiệm vụ,<br>quyền hạn<br>được giao |
| 3          | Đến năm 2030, trên 80% thanh niên trong độ tuổi đạt trình độ trung học phổ thông và tương đương; trên 80% thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt trình độ trung học cơ sở.   | Phòng Giáo<br>dục và Đào tạo;<br>UBND các xã,<br>thị trấn                          | Các cơ quan,<br>tổ chức, đơn<br>vị có liên<br>quan | Đạt 90%<br>chỉ tiêu                         | Cơ quan chủ<br>trì, phối hợp<br>thực hiện theo<br>chức năng,<br>nhiệm vụ,<br>quyền hạn<br>được giao |
| 4          | Đến năm 2030, tăng 15% số thanh niên được ứng dụng, triển khai ý tưởng sáng tạo, công trình nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất và đời sống; tăng 15% số công trình khoa học và công nghệ do thanh niên chủ trì (so với năm 2020).   | Phòng Kinh tế -<br>Hạ tầng;<br>Đoàn TNCS<br>HCM huyện;<br>UBND các xã,<br>thị trấn | Các cơ quan,<br>tổ chức, đơn<br>vị có liên<br>quan | Đạt 80%<br>chỉ tiêu                         | Cơ quan chủ<br>trì, phối hợp<br>thực hiện theo<br>chức năng,<br>nhiệm vụ,<br>quyền hạn<br>được giao |
| <b>III</b> | <b>Nâng cao chất lượng đào tạo nghề, tạo việc làm bền vững cho thanh niên, xây dựng phát triển và sử dụng nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao</b>   |  |  |   |   |
| 1          | Hàng năm, 100% học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được giáo dục hướng nghiệp, trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp trước khi tốt nghiệp; 100% sinh viên được trang bị kiến thức về hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.   | Phòng Giáo<br>dục và Đào tạo;<br>Đoàn TNCS<br>HCM huyện.                           | Các cơ quan,<br>tổ chức, đơn<br>vị có liên<br>quan | Đạt 100%<br>chỉ tiêu                        | Cơ quan chủ<br>trì, phối hợp<br>thực hiện theo<br>chức năng,<br>nhiệm vụ,<br>quyền hạn<br>được giao |
| 2          | Hàng năm, 30% số ý tưởng, dự án khởi nghiệp của thanh niên là học sinh, sinh viên được kết nối với các doanh nghiệp hoặc được hỗ trợ đầu tư từ nguồn  | Phòng Giáo<br>dục và Đào tạo;<br>Phòng Kinh tế -<br>Hạ tầng;<br>Đoàn TNCS          | Các cơ quan,<br>tổ chức, đơn<br>vị có liên<br>quan | Đạt 100%<br>chỉ tiêu                        | Cơ quan chủ<br>trì, phối hợp<br>thực hiện theo<br>chức năng,<br>nhiệm vụ,                           |



| TT        | Mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện   | Cơ quan chủ trì   | Cơ quan phối hợp                           | Tiến độ kết quả thực hiện trong giai đoạn I  | Ghi chú   |
|-----------|--|---|--|--|---|
|           | kinh phí phù hợp.  | HCM huyện.  |  |  | quyền hạn được giao   |
| 3         | Đến năm 2030, phần đầu 100% thanh niên được tư vấn hướng nghiệp và việc làm; 60% thanh niên được đào tạo nghề và tạo việc làm, ưu tiên việc làm tại chỗ.   | Phòng Giáo dục và Đào tạo;<br>Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội<br>Đoàn TNCS HCM huyện.      | Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan  | Đạt 80% chỉ tiêu   | Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao |
| 4         | Đến năm 2030, tỉ lệ thanh niên thất nghiệp ở đô thị dưới 7%; tỉ lệ thanh niên thiếu việc làm ở nông thôn dưới 6%.  | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội  | Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan. | Đến năm 2025 Tỉ lệ thanh niên thất nghiệp ở đô thị dưới 8%; tỉ lệ thanh niên thiếu việc làm ở nông thôn dưới 7%. | Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao |
| 5         | Đến năm 2030, có ít nhất 70% thanh niên là người khuyết tật, người nhiễm HIV, người sử dụng ma túy, thanh niên là nạn nhân của tội phạm buôn bán người, thanh niên vi phạm pháp luật được bồi dưỡng kỹ năng sống, lao động và hòa nhập cộng đồng. Phần đầu tạo việc làm ổn định cho trên 50% thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; 20% thanh niên là người khuyết tật, người nhiễm HIV, người sau cai nghiện, sau cải tạo, thanh niên là người Việt Nam không có quốc tịch. | Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;<br>Đoàn TNCS HCM huyện.                                   | Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan. | Đạt 70% chỉ tiêu   | Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao |
| <b>IV</b> | <b>Công tác chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho thanh niên</b>   |   |  |  |   |
| 1         | Hằng năm, trên 75% thanh niên được trang bị kiến thức, kỹ năng rèn luyện thể chất, nâng cao sức khỏe; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tinh thần; dân số và phát triển; bình đẳng giới và  | Phòng Giáo dục và Đào tạo;<br>Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;<br>Phòng Y tế;<br>Đoàn TNCS | Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan. | Đạt 100% chỉ tiêu  | Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao |

| TT       | Mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện  | Cơ quan chủ trì  | Cơ quan phối hợp                           | Tiến độ kết quả thực hiện trong giai đoạn I  | Ghi chú   |
|----------|---|--|--|--|---|
|          | phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; bạo lực gia đình, bạo lực học đường, xâm hại tình dục; HIV/AIDS và các biện pháp phòng chống HIV/AIDS (trong đó: tỉ lệ thanh niên là học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục đạt 100%; tỉ lệ thanh niên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt trên 90%).   | HCM huyện.   |  |  |   |
| 2        | Hằng năm, tăng bình quân 10% tỷ lệ thanh niên được cung cấp thông tin và tiếp cận các dịch vụ thân thiện về tư vấn, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục (so với năm 2020); tỷ lệ các cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 50% vào năm 2025 và 90% vào năm 2030; đến năm 2030 có 100% nữ thanh niên được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản. | Phòng Y tế   | Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan. | Đến năm 2025, tiêu chí nữ thanh niên được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản đạt 70% và 100% các tiêu chí còn lại | Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao |
| 3        | 100% thanh niên là học sinh, sinh viên tham gia bảo hiểm y tế và được chăm sóc sức khỏe ban đầu; trên 90% thanh niên công nhân làm việc tại các khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất được khám sức khỏe và chăm sóc y tế định kỳ.   | Phòng Y tế;<br>Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;<br>Đoàn TNCS HCM huyện. | Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan. | Đạt 100% chỉ tiêu  | Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao |
| <b>V</b> | <b>Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho thanh niên</b>  |  |  |  |   |
| 1        | Hằng năm, trên 80% thanh niên ở đô thị; 70% thanh niên ở nông thôn; 60% thanh niên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được tạo điều kiện tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, hoạt   | Phòng Văn hoá - Thông tin;<br>Đoàn TNCS HCM huyện;<br>UBND các xã, thị trấn    | Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan. | Đạt 100% chỉ tiêu  | Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao |

| TT        | Mục tiêu, chỉ tiêu thực hiện  | Cơ quan chủ trì  | Cơ quan phối hợp                           | Tiến độ kết quả thực hiện trong giai đoạn I | Ghi chú   |
|-----------|---|--|--|---|---|
|           | động sinh hoạt cộng đồng ở nơi học tập, làm việc và cư trú.   |  |  |   |   |
| 2         | Đến năm 2030, ít nhất 50% thanh niên sử dụng thành thạo các phương tiện kỹ thuật số phục vụ mục đích giao tiếp, truyền thông, kinh doanh trên nền tảng kinh tế số.  | Phòng Văn hoá - Thông tin; UBND các xã, thị trấn       | Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan. | Đạt 80% chỉ tiêu                            | Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao |
| <b>VI</b> | <b>Phát huy vai trò của thanh niên trong tham gia phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc</b>   |  |  |   |   |
| 1         | Hàng năm, 100% thanh niên trong độ tuổi quy định của pháp luật, có đủ năng lực hành vi dân sự sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự và lực lượng dân quân tự vệ.   | Ban Chỉ huy Quân sự huyện; UBND các xã, thị trấn       | Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan. | Đạt 100% chỉ tiêu                           | Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao |
| 2         | Đến năm 2030, phần đầu 20% thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được đưa vào quy hoạch lãnh đạo cấp phòng và tương đương; 10% thanh niên trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội đảm nhiệm các chức vụ lãnh đạo, quản lý.   | Các cơ quan, đoàn thể cấp huyện; UBND các xã, thị trấn | Các cơ quan, tổ chức có liên quan.         | Đạt 50% chỉ tiêu                            | Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao |
| 3         | Hàng năm, 100% tổ chức Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp thanh niên và các tổ chức khác của thanh niên được thành lập theo quy định của pháp luật, phát động phong trào và huy động thanh niên hưởng ứng, tham gia các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng, xã hội; phát triển kinh tế - xã hội; khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh; bảo vệ môi trường; giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh quốc gia | Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện; UBND các xã, thị trấn.    | Các cơ quan, tổ chức có liên quan.         | Đạt 100% chỉ tiêu                           | Cơ quan chủ trì, phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao |